

THÔNG TIN CHUNG VỀ QUẢN LÝ MẶT HÀNG ÓNG THÉP TIÊU CHUẨN NHẬP KHẨU VÀO HOA KỲ

Chương trình SIMA

Đối với Hoa Kỳ, ống thép tiêu chuẩn (OTTC) là một mặt hàng nhạy cảm và đã bị kiện chống bán phá giá rất nhiều. Vì vậy, từ ngày 09/6/2005, Bộ Thương mại Hoa Kỳ đưa ra chương trình Giám sát và phân tích nhập khẩu thép (Steel Import Monitoring and Analysis - SIMA) nhằm thu thập và công bố số liệu về lượng thép cán nhập khẩu vào Hoa Kỳ^[1]. Chương trình giúp cung cấp thông tin cho các bên liên quan đến việc xuất nhập khẩu thép của Hoa Kỳ thông qua 2 công cụ: cấp phép nhập khẩu thép và giám sát nhập khẩu thép.

1. *Cấp phép nhập khẩu thép*

Tất cả thép cán nhập khẩu vào Hoa Kỳ đều phải có giấy phép do Văn phòng SIMA cấp thông qua hệ thống cấp phép tự động qua mạng (on-line automatic system). Hệ thống này cho phép các nhà nhập khẩu dễ dàng đăng ký và nhận giấy phép nhanh chóng và thuận tiện qua mạng mà không cần trực tiếp đến Bộ Thương mại.

2. *Giám sát nhập khẩu thép*

Để quản lý việc cấp phép, SIMA công bố số liệu tổng thể về lượng thép nhập khẩu vào Hoa Kỳ. Số liệu được công bố dựa trên sự kết hợp của chương trình cấp phép và cơ quan thống kê (Bureau of Census). Số liệu này cũng được Bộ Thương mại Hoa Kỳ kiểm tra rà soát hàng tuần trên cơ sở so sánh với số liệu của Hệ thống thương mại tự động (Automated Commercial System - ACS).

Áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với mặt hàng ống thép tiêu chuẩn nhập khẩu vào Hoa Kỳ

Thép là một trong những ngành sản xuất nhạy cảm của Hoa Kỳ và được bảo hộ rất nhiều bằng các biện pháp chống bán phá giá. Tính đến nay đã có 55 vụ kiện chống bán phá giá do Hoa Kỳ khởi xướng liên quan đến các sản phẩm thép (chưa tính vụ kiện này), trong đó các nước bị kiện nhiều nhất là Trung Quốc (8 vụ), Hàn Quốc (6 vụ) và Mexico (5 vụ).

Có một điều đáng lưu ý trong các vụ kiện này là mức thuế áp cho các doanh nghiệp thường khá cao. Ví dụ, trong vụ kiện mới đây các doanh nghiệp Trung Quốc đã phải chịu mức thuế từ 30%-99% và sau đó mất phần lớn thị phần cho các nước xuất khẩu chưa bị áp thuế. Với việc kiện 4 quốc gia còn lại trong số 10 nước xuất khẩu thép lớn nhất vào Hoa Kỳ, Chính phủ Hoa Kỳ đang cho thấy việc vận dụng tối đa chủ nghĩa bảo hộ trong thương mại quốc tế.

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH NHẬP KHẨU MẶT HÀNG ÓNG THÉP TIÊU CHUẨN NHẬP KHẨU VÀO HOA KỲ

1. **Khối lượng nhập khẩu tăng đều và đáng kể**
2. **Tốc độ tăng trưởng chung**

Bảng 1: 10 nước xuất khẩu thép CWP lớn nhất vào Hoa Kỳ [2]

Đơn vị tính: tấn

Nước XK	2008	2009	2009/2008	2010	2010/2009	8 tháng 2010	8 tháng 2011	2011/2010
Canada	384083	190656	-189%	230907	21%	156624	156506	0%
India	79186	62822	-3%	82501	31%	56010	56151	0%
Japan	55132	56627	-9%	49835	-12%	32754	44047	34%
Korea South	336848	167524	-157%	312243	86%	188681	358520	90%
Mexico	229278	163073	-102%	211007	29%	137004	163405	19%
Oman	22139	17224	-23%	30822	79%	21122	24856	18%
Thailand	77801	28483	-63%	26122	-8%	6692	30638	358%
Turkey	51745	36832	187%	35717	-3%	26376	35013	33%
UAE	17235	15872	-96%	31817	100%	20181	44913	123%
Vietnam	27001	20805	-123%	32435	56%	25042	39753	59%
Tổng NK	1651395	839025	-169%	1175799	40%	738758	1085924	47%

Theo Bảng trên, có thể thấy từ năm 2009 đến nay lượng nhập khẩu thép vào Hoa Kỳ đã gia tăng đáng kể (khoảng 40% một năm).

Trong số 10 nước xuất khẩu thép lớn nhất vào Hoa Kỳ thì 4 nước Thổ Nhĩ Kỳ, Hàn Quốc, Mexico và Thái Lan đang bị áp thuế chống bán phá giá, còn Nhật Bản lại chỉ xuất khẩu thép cao cấp với giá cao nên không có nguy cơ bị điều tra. Canada do nhập thép cán nóng của Mỹ để gia công rồi xuất khẩu lại nên không gây thiệt hại cho ngành thép Hoa Kỳ.

Như vậy, trong số 10 nước chỉ còn 4 quốc gia có nguy cơ tiếp tục bị điều tra chống bán phá giá là Ấn Độ, UAE, Việt Nam và Oman. Đặc biệt, trong thời gian từ 2009-2011, lượng xuất khẩu của các 4 quốc gia này đều tăng, trong đó lớn nhất là Việt Nam và UAE. Trên thực tế dù năm 2009 lượng xuất khẩu của các nước tuy có giảm so với năm 2008 nhưng đó là năm khủng hoảng kinh tế trầm trọng của Hoa Kỳ, sản xuất giảm mạnh nên so với tổng lượng tiêu thụ thì thị phần nhập khẩu vẫn tăng tương đối.

1. **Tốc độ tăng trưởng của một số mặt hàng chính**

a. Mặt hàng ống thép sử dụng cho đường ống dẫn dầu/ga (Mã HS 730619)

Bảng 2: Khối lượng nhập khẩu Mã HS 730619 vào Hoa Kỳ

(Pipe, Line, Welded O/T Ss, Riveted Or Sim Closed, Nes, For Oil/Gas Pipeline)

Đơn vị tính: tấn

Nước XK	2008	2009	2009/ 2008	2010	2010/ 2009	8 tháng 2010	8 tháng 2011	2011/2010
India	7740	16558	114%	6844	-59%	3828	9406	146%
Oman	0	89		482	442%	284	0	-100%
UAE	43	5	-88%	1691	33720%	1691	1785	6%
Vietnam	0	0		0		0	1396	
Tổng NK	617761	284861	-54%	452030	59%	269981	555085	106%

Có thể thấy lượng nhập khẩu thép đối với mã HS này sụt giảm rất lớn vào năm 2009 (54%) và lấy lại sự tăng trưởng vào năm 2010 (gần 60%) sau đó gia tăng gấp đôi trong năm 2011. Đây cũng là lý do gây nên sức ép lớn đối với ngành sản xuất trong nước do hàng nhập khẩu tràn ngập thị trường.

Tuy nhiên, nếu nhìn vào từng nguồn xuất khẩu có thể thấy việc xuất khẩu mặt hàng này diễn biến thất thường và không theo quy luật nào. Trong số các nước bị kiện theo đơn kiện này, Ấn Độ gia tăng xuất khẩu mạnh trong năm 2011 nhưng lại giảm mạnh trong năm 2010, trong khi đó cả Oman và UAE đều gia tăng xuất khẩu đột biến trong năm 2010 nhưng lại giảm vào năm 2011. Trên thực tế, so với Ấn Độ, khối lượng xuất khẩu của cả UAE, Oman và Việt Nam đều không đáng kể. Việt Nam mới chỉ xuất khẩu mặt hàng thép này bắt đầu từ tháng 5 năm 2011 với kim ngạch như sau:

Bảng 3: Khối lượng xuất khẩu của Việt Nam mã HS 730619

Tháng	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8
Khối lượng (Tấn)	67	384	617	328

b. Mặt hàng ống hàn thép có mặt cắt ngang hình tròn (Mã HS 730630)

Bảng 4: Khối lượng nhập khẩu Mã HS 730630 vào Hoa Kỳ

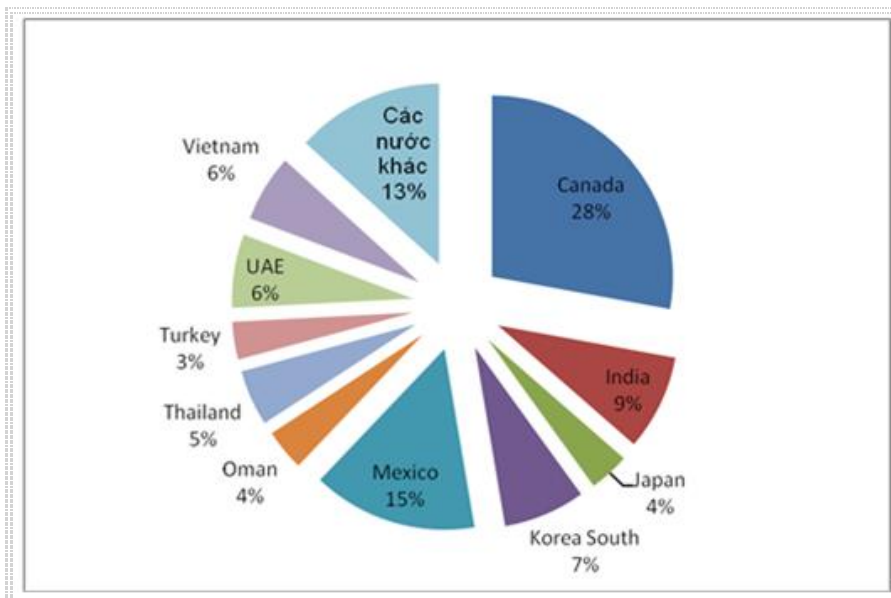
(Tubes, Pipe & Hollow Profiles, Iron Or Nas, Welded, Of Circ Cross Sect, Nes)

Đơn vị tính: tấn

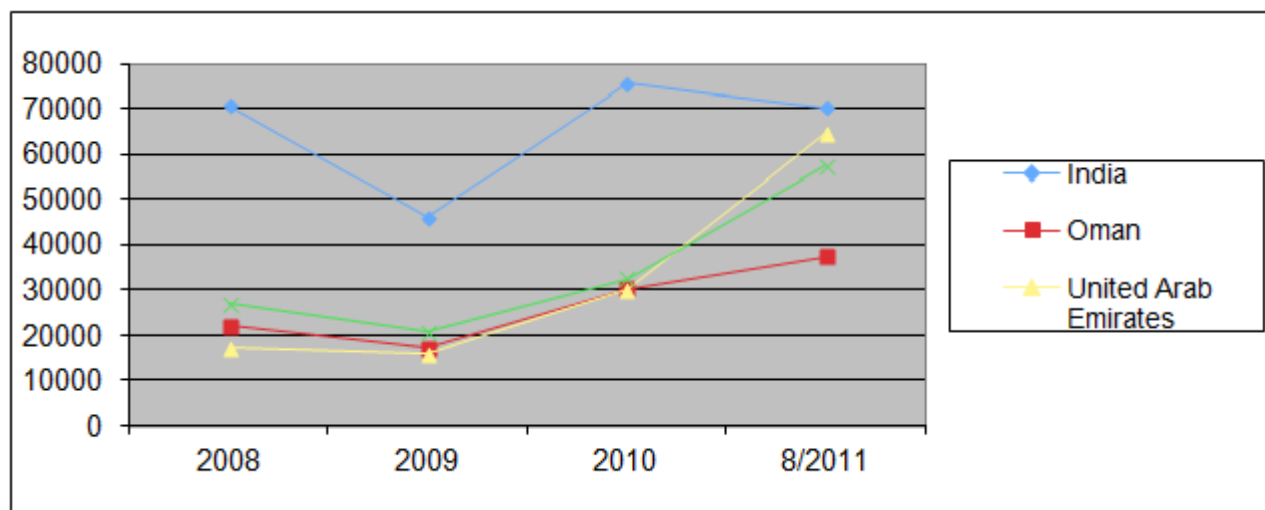
Nước XK	2008	2009	2009/2008	2010	2010/2009	8 tháng 2010	8 tháng 2011	2011/2010
India	70,561	46,108	-35%	75,657	64%	52,182	46,721	-10%
Oman	22,139	17,135	-23%	30,340	77%	20,838	24,856	19%
UAE	17,192	15,867	-8%	30,126	90%	18,490	43,128	133%
Vietnam	26,981	20,805	-23%	32,435	56%	25,042	38,357	53%
Tổng NK	1,012,954	547,724	-46%	714,721	30%	464,238	522,056	12%

Đối với mặt hàng này, lượng nhập khẩu cũng giảm vào năm 2009 sau đó tăng liên tiếp vào năm 2010 và 2011 nhưng mức tăng không quá cao. Đối với Việt Nam, đây là mặt hàng thép chủ lực xuất khẩu vào Hoa Kỳ (chiếm 96% tổng kim ngạch xuất khẩu cả 3 mặt hàng) với mức tăng trưởng tương đối ổn định. Tuy nhiên, khối lượng xuất khẩu của Việt Nam không phải là lớn so với tổng lượng nhập khẩu của Hoa Kỳ (chiếm 6% tổng lượng nhập khẩu) (xem Hình 1).

Hình 1: Thị phần nhập khẩu theo khối lượng đối với Mã HS 730630 năm 2011



Hình 2: Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của các nước đối với mã 730630



Ấn Độ là nước xuất khẩu chính mặt hàng này với kim ngạch gấp từ 2-3 lần 3 nước còn lại. Tuy nhiên, xu hướng xuất khẩu của Ấn Độ đang giảm đi trong khi thị phần đó lại rơi vào các quốc gia còn lại (xem hình 2).

1. **Kim ngạch nhập khẩu tăng nhanh**
2. **Tốc độ tăng trưởng kim ngạch chung**

Bảng 5: Kim ngạch nhập khẩu thép CWP vào Hoa Kỳ

Đơn vị tính: USD

Nước XK	2008	2009	2009/2008	2010	2010/2009	8 tháng 2010	8 tháng 2011	2011/2010
Canada	483,555,951	197,249,271	-59%	234,950,439	19%	158,006,643	186,364,235	18%
India	91,531,840	63,875,461	-30%	76,138,529	19%	49,905,772	58,836,012	18%
Japan	78,010,414	78,486,943	1%	63,507,478	-19%	40,896,749	57,964,663	42%
Korea South	332,558,198	123,109,542	-63%	189,607,457	54%	104,459,066	298,694,152	186%

Mexico	226,457,011	226,457,011	0%	226,457,011	0%	226,457,011	226,457,011	0%
Oman	22,049,083	14,148,398	-36%	24,201,859	71%	16,068,742	21,581,712	34%
Thailand	78,681,852	27,250,819	-65%	23,740,415	-13%	5,984,347	29,198,298	388%
Turkey	59,562,084	69,265,875	16%	38,051,664	-45%	28,124,362	32,145,445	14%
UAE	19,183,717	13,584,075	-29%	26,291,988	94%	15,707,943	39,816,434	153%
Vietnam	30,492,307	16,662,186	-45%	27,548,789	65%	20,980,467	36,159,418	72%
Tổng NK	1,940,464,652	941,617,477	-51%	1,155,917,299	23%	715,921,027	1,161,066,113	62%

Nhìn vào bảng trên có thể thấy kim ngạch nhập khẩu tăng khá lớn trong năm 2011, cả 4 quốc gia thuộc nhóm có thể bị kiện chống bán phá giá đều gia tăng kim ngạch đáng kể, trong đó lớn nhất là UAE và Việt Nam. Chỉ tính riêng trong 8 tháng đầu năm 2011, kim ngạch của Việt Nam đã tăng 33% so với cả năm 2010 và tăng 72% tính theo cùng kỳ năm trước, đạt hơn 36 triệu USD.

So với các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam vào Hoa Kỳ thì xuất khẩu thép CWP chỉ chiếm một tỷ trọng rất nhỏ (chưa đến 0,5% tổng kim ngạch vào Hoa Kỳ) nhưng là mặt hàng xuất khẩu mới, giúp đa dạng hóa các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam.

1. Tốc độ tăng kim ngạch của từng mã hàng

Việt Nam xuất khẩu nhiều nhất mã HS 730630 với kim ngạch chiếm khoảng 97% tổng kim ngạch CWP, vì vậy đây là mã HS cần lưu ý phân tích và theo dõi trong thời gian tới.

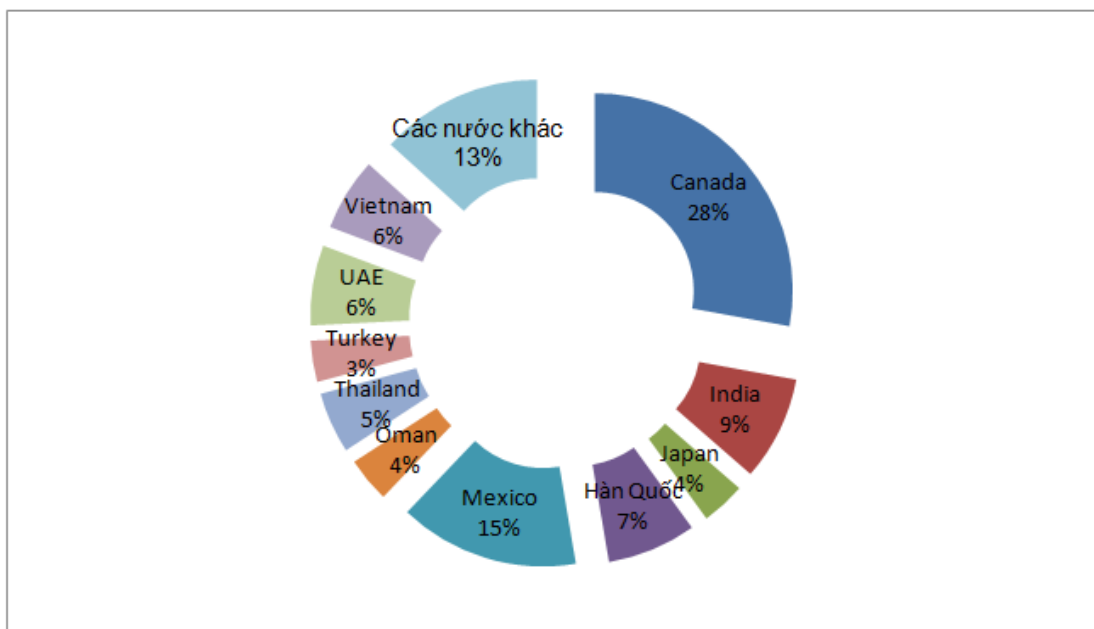
Đối với mã HS này, Việt Nam đứng thứ 6 về kim ngạch xuất khẩu (sau Canada, Mexico, Ấn Độ, Hàn Quốc và UAE). Chính vì vậy, dù kim ngạch chỉ chiếm 6% nhưng hàng xuất khẩu Việt Nam vẫn là mối đe dọa lớn cho ngành sản xuất thép Hoa Kỳ.

Bảng 6: Kim ngạch nhập khẩu mã 730630 vào Hoa Kỳ

Đơn vị tính: USD

Nước XK	2008	2009	2009/ 2008	2010	2010/ 2009	8 tháng 2010	8 tháng 2011	2011/ 2010
India	70,561	46,108	-35%	75,657	64%	52,182	46,721	-10%
Oman	22,139	17,135	-23%	30,340	77%	20,838	24,856	19%
UAE	17,192	15,867	-8%	30,126	90%	18,490	43,128	133%
Vietnam	26,981	20,805	-23%	32,435	56%	25,042	38,357	53%
Tổng NK	1,012,954	547,724	-46%	714,721	30%	464,238	522,056	12%

Hình 3: Thị phần kim ngạch nhập khẩu mã HS 730630 vào Hoa Kỳ năm 2011



3. Giá nhập khẩu giảm trong các năm gần đây

Bảng 7: Giá trung bình thép CWP nhập khẩu vào Hoa Kỳ

Đơn vị tính: USD/Tấn

Nước XK	2008	2009	2009/2008	2010	2010/2009	8 tháng 2010	8 tháng 2011	2011/2010
Canada	1,259	1,035	-18%	1,018	-2%	1,009	1,191	18%
India	1,156	1,017	-12%	923	-9%	891	1,048	18%
Japan	1,415	1,386	-2%	1,274	-8%	1,249	1,316	5%
Korea South	987	735	-26%	607	-17%	554	833	50%
Mexico	988	1,389	41%	1,073	-23%	1,653	1,386	-16%
Oman	996	821	-18%	785	-4%	761	868	14%
Thailand	1,011	957	-5%	909	-5%	894	953	7%
Turkey	1,151	1,881	63%	1,065	-43%	1,066	918	-14%
UAE	1,113	856	-23%	826	-3%	778	887	14%
Vietnam	1,129	801	-29%	849	6%	838	910	9%
Giá TB thế giới	1,175	1,122	-4%	983	-12%	969	1,069	10%

Nhìn vào bảng trên có thể thấy giá thế giới đã giảm đáng kể từ năm 2008 cho tới nay. Mặc dù giá đã có xu hướng tăng trong năm 2011 nhưng vẫn thấp hơn mức giá trung

bình năm 2008. Việc giảm giá nhập khẩu gây áp lực rất lớn lên các nhà sản xuất nội địa của Mỹ khi họ không thể giảm giá do giá nhân công vẫn giữ ở mức cao. Chính điều này đã gây thiệt hại cho các nhà sản xuất nội địa của Hoa Kỳ.

Bảng 8: So sánh giá nhập khẩu và giá sản xuất tại Hoa Kỳ^[3]

Đơn vị tính: USD/Tấn

Quốc gia	Giá TB 2010	Giá NK so với giá US 2010	Giá TB 8 tháng 2011	Giá NK so với giá US 8 tháng 2011
US	1091		1058	
India	923	-15%	1,048	-1%
Oman	785	-28%	868	-18%
UAE	826	-24%	887	-16%
Vietnam	849	-22%	910	-14%
Tổng Thế giới	983	-10%	1,069	1%

Nhìn vào bảng trên có thể thấy giá cả 4 nước đều thấp hơn giá sản xuất nội địa của Hoa Kỳ khá nhiều, ngoại trừ Ấn Độ. Cả 3 nước Việt Nam, Oman và UAE đều có mức giá thấp hơn từ 14-18% so với giá thép nội địa của Mỹ.

4. Tình hình sản xuất nội địa của Hoa Kỳ

Số liệu về sản xuất nội địa của Hoa Kỳ cho thấy có sự sụt giảm đáng kể trong sản lượng sản xuất. Trong năm 2009, không chỉ lượng sản xuất của Hoa Kỳ sụt giảm đáng kể (giảm 81%) mà khối lượng nhập khẩu cũng giảm 69% (xem bảng 1). Tuy nhiên, nếu so sánh tương đối có thể thấy mức sụt giảm nhập khẩu vẫn thấp hơn mức sụt giảm sản xuất, tạo nên áp lực đáng kể cho các nhà sản xuất thép trong nước của Hoa Kỳ.

Bảng 9: Sản lượng nội địa của Hoa Kỳ đối với mặt hàng thép^[4]

Đơn vị: Nghìn tấn

Các loại thép	2008	2009	2009/2008
Các sản phẩm thép nói chung	120,754,196	60,655,657	-50%
Các sản phẩm hợp kim thép	1,246,817	659,587	-47%
Các loại ống và túyp thép	13,209,220	7,112,312	-46%
Sản xuất thép cuộn	7,743,327	4,780,465	-38%
Tổng	142,955,568	73,210,030	-181%

